**NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT THANH TRA NĂM 2022**

*(Tài liệu chỉ tập trung nêu những điểm mới liên quan đến tổ chức, hoạt động của các* ***cơ quan Thanh tra ở cấp tỉnh****; không nêu những quy định mới đối với các cơ quan Thanh tra ở Trung ương)*

**I. Sự cần thiết phải ban hành Luật Thanh tra năm 2022**

Luật Thanh tra 2010 được Quốc hội thông qua ngày 15/11/2010 và có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2011, sau hơn 10 năm triển khai thực hiện đã tạo hành lang pháp lý quan trọng trong việc hoàn thiện tổ chức và nâng cao hoạt động thanh tra, góp phần ổn định tình hình kinh tế - xã hội, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và phòng, chống tham nhũng. Tuy nhiên, đến nay Luật Thanh tra chưa có những quy định cụ thể hóa quan điểm đổi mới của Đảng trong 10 năm qua và Hiến pháp năm 2013, cụ thể như Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành TW khóa 12 yêu cầu: Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, phạm vi hoạt động, mối quan hệ công tác của Kiểm toán nhà nước và các cơ quan kiểm tra, thanh tra các cấp để không chồng chéo khi thực hiện nhiệm vụ; Nghị quyết số 26-NQ/TW của Ban Chấp hành TW khóa 12 chỉ rõ nhiệm vụ: Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra định kỳ, đột xuất; theo chuyên đề, chuyên ngành, của cấp trên đối với cấp dưới; cấp dưới giám sát cấp trên; Chỉ thị số 04-CT/TW ngày 02/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án tham nhũng, kinh tế; đặc biệt, Hiến pháp năm 2013 đặt ra yêu cầu đối với ngành Thanh tra thực hiện hiệu quả hơn các chức năng, nhiệm vụ về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, góp phần kiểm soát quyền lực nhà nước, bảo vệ quyền con người, quyền công dân.

Mặt khác, qua quá trình triển khai thực hiện, Luật Thanh tra 2010 đã bộc lộ nhiều hạn chế, gây khó khăn, vướng mắc, làm giảm hiệu quả, hiệu lực của hoạt động thanh tra, không đáp ứng được yêu cầu của tình hình mới trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế ngày càng mạnh mẽ, cụ thể như:

1. Tổ chức thanh tra chưa phù hợp với đặc điểm và yêu cầu quản lý của từng bộ, ngành, địa phương, chưa thể hiện thanh tra là công cụ đắc lực của cơ quan quản lý và việc phân cấp, phân quyền, tự chủ của các cơ quan quản lý trong việc tổ chức cơ quan thanh tra.

2. Sự phân định về phạm vi thanh tra giữa các cơ quan thanh tra chưa rõ ràng, chưa phân biệt rõ giữa thanh tra và hoạt động kiểm tra thường xuyên của cơ quan quản lý; sự chồng chéo, trùng lặp giữa hoạt động thanh tra và hoạt động kiểm toán nhà nước còn khá phổ biến.

3. Quy định hình thức thanh tra, thời hạn thanh tra là chưa phù hợp; việc ban hành Kết luận thanh tra còn chậm so với quy định.

4. Việc giám sát hoạt động Đoàn thanh tra, thẩm định dự thảo Kết luận thanh tra chưa được quy định cụ thể, rõ ràng, làm cơ sở cho tổ chức thực hiện.

5. Việc thực hiện kiến nghị trong các Kết luận thanh tra còn hạn chế, bất cập; hiệu quả thu hồi tiền, tài sản của Nhà nước bị chiếm đoạt, sử dụng sai mục đích vẫn còn thấp do chưa quy định cụ thể trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị, cá nhân, nhất là những người đứng đầu.

Do vậy, việc sửa đổi Luật Thanh tra 2010 là cần thiết, nhằm thể chế quan điểm của Đảng, Hiến pháp năm 2013 về công tác thanh tra, cũng như khắc phục những tồn tại, hạn chế và nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác thanh tra trong quản lý nhà nước.

**II. NHỮNG ĐIỂM MỚI NỔI BẬT**

**1. Về tổng thể bố cục:** Tăng 01 Chương và 40 Điều so với [Luật Thanh tra 2010](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Luat-Thanh-tra-2022-544688.aspx) *(*[*Luật Thanh tra 2010*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Luat-thanh-tra-2010-115311.aspx)*gồm 07 Chương và 78 Điều;* [*Luật Thanh tra 2022*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Luat-Thanh-tra-2022-544688.aspx)*có tất cả 8 Chương và 118 Điều)*. Cụ thể:

- Đưa thiết chế Ban Thanh tra Nhân dân ra khỏi Luật *(Bỏ 01 Chương quy định về Ban Thanh tra Nhân dân).*

- Bổ sung 01 Chương quy định cụ thể về việc thực hiện kết luận thanh tra và 01 Chương quy định về việc phối hợp trong hoạt động thanh tra, kiểm toán nhà nước, kiểm tra.

**2. Về cơ cấu, tổ chức các cơ quan thanh tra ở tỉnh**

**-** Quy định thay đổi về việc thành lập Thanh tra sở theo hướng chỉ cơ cấu cứng cơ quan Thanh tra sở của một số sở, còn lại do UBND tỉnh xem xét, quyết định thành lập *(theo dự thảo Nghị định quy định về thanh tra chuyên ngành, hiện nay chỉ cơ cấu cứng còn 07 cơ quan Thanh tra sở[[1]](#footnote-1))*.

- Bỏ cơ quan thanh tra được giao chức năng thanh tra chuyên ngành ở các sở.

**3. Về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn**

- Bổ sung chức năng, nhiệm vụ tham mưu quản lý nhà nước của các cơ quan thanh tra đối với 02 lĩnh vực: Tiếp công dân và phòng, chống tiêu cực *(trước đây chỉ thanh tra, khiếu nại, tố cáo và PCTN)*.

- Bổ sung chức năng thanh tra chuyên ngành của Thanh tra tỉnh đối với những lĩnh vực không thành lập cơ quan Thanh tra sở.

- Bổ sung thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chánh Thanh tra tỉnh.

**4. Quy định mới về thẩm quyền ban hành Quyết định thanh tra, Kết luận thanh tra:** Chỉ có Thủ trưởng cơ quan thanh tra mới có thẩm quyền ban hành.

5. Quy định mới quy trình xây dựng, phê duyệt Kế hoạch thanh tra hàng năm: Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch thanh tra toàn tỉnh.

6. Bổ sung một số bước trong quy trình tiến hành một cuộc thanh tra nhằm tháo gỡ những vướng mắc trong hoạt động thanh tra hiện nay, như: Việc bổ sung kế hoạch tiến hành thanh tra; việc tạm dừng cuộc thanh tra, đình chỉ cuộc thanh tra …

7. Quy định rõ thời gian, trách nhiệm của từng khâu trong quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành kết luận thanh tra

8. Quy định cụ thể việc thanh tra trong trường hợp đã chuyển vụ việc sang cơ quan điều tra.

9. Quy định cụ thể về nguyên tắc xử lý chồng chéo, trùng lặp trong thanh tra

10. Luật hóa các tiêu chuẩn bổ nhiệm các ngạch thanh tra viên; bỏ quy định cộng tác viên thanh tra

11. Quy định mới về các trường hợp miễn nhiệm Thanh tra viên

**III. Quy định cụ thể về những điểm mới tại các Điều luật**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Quy định Luật Thanh tra 2022** | **Nội dung quy định mới** |
| 1 | Điều 2 (Giải thích từ ngữ) | Giải thích, làm rõ thêm nhiều khái niệm, như: Kế hoạch tiến hành thanh tra, đối tượng thanh tra, thời hạn thanh tra, cơ quan thanh tra, cơ quan thực hiện chứng năng thanh tra … |
| 2 | Điều 8 (Các hành vi bị cấm trong hoạt động thanh tra) | ***- Bổ sung một số hành vi cấm:***  + Thanh tra không đúng nội dung Kế hoạch tiến hành thanh tra được phê duyệt  + Không chuyển hồ sơ vụ việc có dấu hiệu tội phạm sang Cơ quan điều tra.  + Không cung cấp thông tin, tài liệu hoặc cung cấp không kịp thời đầy đủ tài liệu, vật chứng liên quan đến nội dung thanh tra.  + Chống đối, cản trở, mua chuộc, đe dọa trù dập người thực hiện giám sát, người thực hiện thẩm định.  ***- Điều chỉnh thời điểm được tiết lộ thông tin, tài liệu liên quan đến cuộc thanh tra:***  + Theo Luật Thanh tra năm 2010: *“Tiết lộ thông tin, tài liệu về nội dung thanh tra trong quá trình thanh tra* ***khi chưa có kết luận chính thức”****.*  + Theo Luật Thanh tra năm 2022: *“Tiết lộ thông tin, tài liệu liên quan đến cuộc thanh tra* ***khi kết luận thanh tra chưa được công khai”****.*  Như vậy, quy định hiện hành đã quy định kỹ, chặt hơn việc tiết lộ, cung cấp thông tin liên quan đến cuộc thanh tra; cuộc thanh tra dù đã ban hành kết luận nhưng chưa được công khai theo quy định, vẫn không được quyền cung cấp thông tin cho các cơ quan, đơn vị khác. Quy định này nếu không thận trọng sẽ rất dễ để xảy vi phạm không đáng có. |
| 3 | Từ Điều 22 đến Điều 25 (Thanh tra tỉnh) | ***- Điều 22 (Vị trí, chức năng của Thanh tra tỉnh):***  Bổ sung chức năng tham mưu quản lý nhà nước về tiếp công dân và phòng, chống tiêu cực.  ***- Điều 23 (Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra tỉnh):***  + Bổ sung nhiệm vụ xây dựng Dự thảo Kế hoạch thanh tra của tỉnh (trước đây chỉ xây dựng Kế hoạch thanh tra của Thanh tra tỉnh).  + Bổ sung nhiệm vụ thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành đối với các cơ quan, tổ chức cá nhân thuộc phạm vi quản lý của các sở không thành lập cơ quan thanh tra.  ***- Điều 24 (Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra tỉnh):***  Bổ sung quyền hạn xử phạt vi phạm hành chính |
| 4 | Từ Điều 26 đến Điều 29 (Thanh tra sở) | ***- Điều 26 (Vị trí, chức năng của Thanh tra sở):***  + Bổ sung chức năng tiếp công dân và phòng, chống tiêu cực.  + Ngoài một số cơ quan Thanh tra sở được quy định cứng (Chính phủ sẽ có Nghị định quy định chi tiết), UBND tỉnh sẽ quyết định thành lập theo yêu cầu quản lý nhà nước.  + Tại những sở không thành lập cơ quan thanh tra, Giám đốc sở giao đơn vị thuộc sở thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC và PCTN, tiêu cực.  ***- Điều 27 (Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra sở):***  + Thay đổi nhiệm vụ trong việc xây dựng Kế hoạch thanh tra của Thanh tra sở hàng năm: Trước đây, xây dựng, trình Giám đốc sở phê duyệt. Nay, xây dựng dự thảo, báo cáo Giám đốc sở xem xét, quyết định trước khi gửi Thanh tra tỉnh tổng hợp vào Kế hoạch thanh tra của tỉnh.  + Bỏ một số nhiệm vụ liên quan đến các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thuộc sở, như: Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về thanh tra; yêu cầu Thủ trưởng cơ quan được giao chức năng thanh tra chuyên ngành thuộc sở báo cáo về công tác thanh tra; kiểm tra tính chính xác, hợp pháp của kết luận thanh tra, quyết định xử lý sau thanh tra của Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thuộc sở.  ***- Điều 28 (Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra sở):***  + Bỏ nhiệm vụ xử lý chồng chéo trong hoạt động thanh tra trong phạm vi được phân cấp quản lý nhà nước của sở.  + Bỏ các quyền hạn liên quan đến cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thuộc sở, như: Quyết định thanh tra lại vụ việc đã được Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thuộc sở đã kết luận nhưng phát hiện có dấu hiệu vi phạm; yêu cầu Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thuộc sở tiến hành thanh tra trong phạm vi trách nhiệm của cơ quan đó khi phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật … |
| 5 | Từ Điều 30 đến Điều 33 (Thanh tra huyện) | - Tương tự như Thanh tra tỉnh, bổ sung nhiệm vụ tham mưu quản lý nhà nước về tiếp công dân và phòng, chống tiêu cực.  - Thay đổi nhiệm vụ trong việc xây dựng Kế hoạch thanh tra của Thanh tra huyện hàng năm: Trước đây, xây dựng trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt. Nay, xây dựng dự thảo, báo cáo Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định trước khi gửi Thanh tra tỉnh tổng hợp vào kế hoạch thanh tra của tỉnh. |
| 6 | Từ Điều 38 đến Điều 42 (Thanh tra viên) | - Bỏ quy định về cộng tác viên thanh tra  - Luật hóa các quy định về Thanh tra viên (trước đây quy định cụ thể tại Nghị định 97/20211/NĐ-CP của Chính phủ).  - Bổ sung 04 trường hợp miễn nhiệm Thanh tra viên:  *+ Vì lý do sức khỏe, hoàn cảnh gia đình hoặc vì lý do khác mà không thể hoàn thành nhiệm vụ được giao;*  *+ Thực hiện hành vi bị nghiêm cấm được quy định tại Luật Thanh tra;*  *+* ***Không hoàn thành nhiệm vụ 01 năm*** *ở ngạch được bổ nhiệm;*  *+ Người được bổ nhiệm vào ngạch có hành vi gian lận trong kỳ thi nâng ngạch hoặc kê khai không trung thực trong hồ sơ bổ nhiệm vào ngạch.* |
| 7 | Điều 45 (Quy định về xây dựng, ban hành kế hoạch thanh tra) | Luật hóa quy định về xây dựng, ban hành Kế hoạch thanh tra; theo đó thay đổi toàn bộ quy trình, thẩm quyền thực hiện so với Luật cũ và các văn bản hướng dẫn thi hành. Kế hoạch thanh tra của tỉnh bao gồm Kế hoạch thanh tra của Thanh tra tỉnh, Thanh tra sở và Thanh tra huyện. Cụ thể quy trình thực hiện xây dựng, ban hành Kế hoạch thanh tra của tỉnh được quy định như sau:  - Chậm nhất vào ngày 30 tháng 10 hằng năm, căn cứ vào Định hướng chương trình thanh tra và hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ, Thanh tra tỉnh hướng dẫn Thanh tra sở, Thanh tra huyện xây dựng dự thảo kế hoạch thanh tra của cơ quan mình.  - Chậm nhất vào ngày 10 tháng 11 hằng năm, Thanh tra sở, Thanh tra huyện gửi dự thảo kế hoạch thanh tra của cơ quan mình đến Thanh tra tỉnh để tổng hợp vào kế hoạch thanh tra của tỉnh.  - Chậm nhất vào ngày 30 tháng 11 hằng năm, Chánh Thanh tra tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành kế hoạch thanh tra của tỉnh.  - Chậm nhất vào ngày 20 tháng 12 hằng năm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành kế hoạch thanh tra của tỉnh.  Như vậy, so với quy định cũ, Giám đốc Sở, Chủ tịch UBND cấp huyện không còn thẩm quyền phê duyệt kế hoạch thanh tra của cấp mình, mà chỉ có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thực hiện Kế hoạch thanh tra của cấp mình đã được Chủ tịch UBND tỉnh ban hành. |
| 8 | Điều 46 (Hình thức thanh tra) | Bỏ hình thức thanh tra thường xuyên, chỉ còn thanh tra theo kế hoạch và thanh tra đột xuất. |
| 9 | Điều 48 (Gia hạn thời gian thanh tra) | Quy định cụ thể các trường hợp phức tạp, đặc biệt phức tạp được gia hạn thời hạn thanh tra. Cụ thể:  ***1. Các trường hợp phức tạp được gia hạn thời hạn thanh tra bao gồm:***  a) Phải thực hiện trưng cầu giám định hoặc phái xác minh, làm rõ vụ việc có yếu tố nước ngoài thuộc nội dung, phạm vi tiến hành thanh tra;  b) Cần xác minh, làm rõ hành vi tham nhũng, tiêu cực theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực;  c) Khi đối tượng thanh tra, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan không hợp tác, cản trở, chống đối, gây khó khăn cho hoạt động thanh tra làm ảnh hưởng đến thời hạn thanh tra.  ***2. Các trường hợp đặc biệt phức tạp được gia hạn thời hạn thanh tra bao gồm:***  a) Cuộc thanh tra phức tạp, liên quan đến nhiều lĩnh vực, nhiều địa phương;  b) Cuộc thanh tra có ít nhất 02 yếu tố quy định tại khoản 1. |
| 10 | Điều 54 (Xử lý hành vi vi phạm pháp luật của người tiến hành thanh tra) | Quy định cụ thể hơn việc xác định trách nhiệm và xử lý hành vi vi phạm đối với từng chủ thể trong quá trình thanh tra:  1. Người ra quyết định thanh tra, Trưởng đoàn thanh tra, Thanh tra viên, thành viên khác của Đoàn thanh tra không hoàn thành nhiệm vụ thanh tra hoặc cố ý không phát hiện hoặc phát hiện hành vi vi phạm mà không xử lý, không kiến nghị việc xử lý hoặc có hành vi khác vi phạm pháp luật về thanh tra thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý ký luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.  2. Trường hợp sau khi kết thúc thanh tra mà cơ quan có thẩm quyền khác phát hiện vụ việc có vi phạm pháp luật xảy ra tại cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được thanh tra về cùng một nội dung mà Trưởng đoàn thanh tra, thành viên khác của Đoàn thanh tra có lỗi thì phải chịu trách nhiệm; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.  *3. Trường hợp Đoàn thanh tra đã phát hiện và báo cáo về vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật nhưng người ra quyết định thanh tra không xử lý thì Trưởng đoàn thanh tra, thành viên khác của Đoàn thanh tra không phải chịu trách nhiệm. Trong trường hợp này, người ra quyết định thanh tra phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.*  *Trường hợp thành viên Đoàn thanh tra đã phát hiện và báo cáo về vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật nhưng Trưởng đoàn thanh tra không xử lý thì thành viên đó không phải chịu trách nhiệm. Trong trường hợp này, Trưởng đoàn thanh tra phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.* |
| 11 | Điều 55 (Xử lý chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động thanh tra) | Luật hóa nguyên tắc xử lý chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động thanh tra:  - Trùng lặp, chồng chéo với cơ quan Kiểm toán thì phối hợp để xử lý.  - Trùng lặp, chồng chéo với Thanh tra Chính phủ thì Thanh tra Chính phủ thực hiện.  - Trùng lặp với Thanh tra Bộ thì Chánh Thanh tra Bộ trao đổi với Chánh Thanh tra tỉnh/sở/huyện để thống nhất, nếu không thống nhất thì Thanh tra Bộ thực hiện.  - Trùng lặp với cơ quan thanh tra của cơ quan thuộc Chính phủ, trao đổi nếu không thống nhất thì cơ quan thanh tra của cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện.  - Trùng lặp với cơ quan thanh tra của Tổng cục, Cục trao đổi nếu không thống nhất thì Thanh tra Tổng cục, Cục thực hiện.  - Trùng lặp giữa Thanh tra tỉnh với Thanh tra sở, Thanh tra huyện, nếu không thống nhất thì Thanh tra tỉnh thực hiện.  - Trùng lặp giữa Thanh tra các sở thì các Chánh Thanh tra sở trao đổi để xử lý; trường hợp không thống nhất được thì báo cáo Chánh Thanh tra tỉnh xem xét, quyết định.  - Trùng lặp giữa Thanh tra sở với Thanh tra huyện, nếu không thống nhất thì Thanh tra sở thực hiện. |
| 12 | Từ Điều 58 – Điều 79 (Trình tự, thủ tục tiến hành 01 cuộc thanh tra) | Luật hóa trình tự, thủ tục tiến hành 01 cuộc thanh tra (trước đây quy định cụ thể ở Nghị định của Chính phủ và Thông tư của Tổng Thanh tra Chính phủ); đồng thời, quy định chung cả quy trình thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành. |
| 12.1 | Điều 58 (Thu thập thông tin để chuẩn bị thanh tra) | Bước này hay còn gọi là bước khảo sát. Theo quy định trước đây (Điều 67 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP) thì việc thu thập thông tin **phục vụ ra Quyết định thanh tra** chỉ thực hiện khi Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước giao tiến hành **thanh tra đột xuất**.  Hiện nay, Luật Thanh tra năm 2022 quy định đây là một bước bắt buộc trước khi ban hành Quyết định thanh tra, **áp dụng cho cả cuộc thanh tra theo kế hoạch và thanh tra đột xuất.**  ***\* Ghi chú:*** *Nội dung này không có trong Luật Thanh tra năm 2010 nhưng đã được quy định tại Thông tư 06/2021/TT-TTCP của Tổng Thanh tra Chính phủ.* |
| 12.2 | Điều 59 (Quyết định thanh tra) | ***1. Về thẩm ban hành:***  *- Theo Luật Thanh tra 2010:* Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước hoặc Thủ trưởng cơ quan thanh tra.  *- Theo Luật Thanh tra 2022:* Chỉ có Thủ trưởng cơ quan thanh tra.  ***2. Về gửi và công bố Quyết định thanh tra:***  *- Theo Luật Thanh tra 2010:* Không phân biệt cuộc thanh tra theo kết hoạch hay đột xuất, chậm nhất 15 ngày kể từ ngày ký QĐTT phải công bố.  - *Theo Luật Thanh tra 2022:* Phân biệt cụ thể đối với thanh tra theo kế hoạch và thanh tra đột xuất:  + Đối với cuộc thanh tra theo kế hoạch, quyết định thanh tra phải được gửi đến đối tượng thanh tra và công bố chậm nhất là 15 ngày trước ngày tiến hành thanh tra trực tiếp.  + Đối với cuộc thanh tra đột xuất, quyết định thanh tra phải được gửi đến đối tượng thanh tra và công bố trước khi tiến hành thanh tra trực tiếp, **trừ trường hợp**: *Đối với hoạt động thanh tra chuyên ngành, trường hợp phát hiện hành vi vi phạm cần phải tiến hành thanh tra ngay thì việc công bố quyết định thanh tra có thể được thực hiện sau khi lập biên bản về hành vi vi phạm của đối tượng thanh tra; trường hợp đối tượng thanh tra cố tình vắng mặt thì Trưởng đoàn thanh tra lập biên bản có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã và tiếp tục thực hiện thanh tra theo kế hoạch* |
| 12.3 | Điều 61 (Xây dựng, phổ biến Kế hoạch tiến hành thanh tra) | - Không quy định cụ thể thời gian xây dựng, phê duyệt Kế hoạch tiến hành thanh tra như Luật cũ.  - Bỏ quy định về việc thành viên Đoàn thanh tra xây dựng Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ được phân công. |
| 12.4 | Điều 62 (Xây dựng đề cương yêu cầu đối tượng thanh tra báo cáo) | *- Theo quy định tại Nghị định 86/2011/NĐ-CP:* Đề cương yêu cầu đối tượng thanh tra báo cáo chỉ cần **gửi cho đối tượng thanh tra trước ngày công bố QĐTT** mà không nêu rõ thời hạn.  *- Luật Thanh tra năm 2022:* Quy định rõ thời hạn Trưởng Đoàn thanh tra phải gửi văn bản yêu cầu đối tượng thanh tra báo cáo là **chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày công bố QĐTT** *(Nội dung này đã được quy định tại Thông tư số 06/2021/TT-TTCP).* |
| 12.5 | Điều 63, 64 (Về công bố QĐTT) | - Về thành phần tham dự: Lãnh đạo cơ quan chủ trì tiến hành thanh tra không còn là thành phần bắt buộc phải tham dự buổi công bố QĐTT.  - Quy định cụ thể việc công bố QĐTT đối với hoạt động thanh tra chuyên ngành trong trường hợp phát hiện hành vi vi phạm cần phải tiến hành thanh tra ngay:  + K*hông thông báo việc công bố quyết định thanh tra cho đối tượng thanh tra*.  *+ Việc công bố QĐTT có thể được thực hiện sau khi lập biên bản về hành vi vi phạm của đối tượng thanh tra; trường hợp đối tượng thanh tra cố tình vắng mặt thì Trưởng đoàn thanh tra lập biên bản có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã và tiếp tục thực hiện thanh tra theo kế hoạch.*  ***\* Ghi chú:*** ***Những nội dung này đã được quy định tại Thông tư số 06/2021/TT-TTCP.*** |
| 12.6 | Điều 68 (Xử lý vi phạm trong quá trình tiến hành thanh tra) | So với Luật Thanh tra năm 2010, Luật Thanh tra năm 2022 đã quy định cụ thể hơn rất nhiều đối với việc xử lý vi phạm trong quá trình thanh tra; đặc biệt là việc thực hiện thanh tra trong trường hợp đã chuyển vụ việc sang cơ quan Điều tra.  1. Người tiến hành thanh tra phải áp dụng các biện pháp theo thẩm quyền được quy định tại Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan để chấm dứt hành vi vi phạm, kịp thời bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; trong trường hợp vi phạm của đối tượng thanh tra và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan không thuộc thẩm quyền xử lý của mình thì Trưởng đoàn thanh tra kiến nghị người ra quyết định thanh tra hoặc Thủ trưởng cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý.  2. Trưởng đoàn thanh tra, Thanh tra viên phát hiện hành vi vi phạm hành chính thì buộc chấm dứt hành vi vi phạm đó, xem xét áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính, ***tiến hành xử phạt ngay theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính mà không phải đợi kết luận thanh tra.***  3. Trường hợp phát hiện vụ việc có dấu hiệu tội phạm thì Trưởng đoàn thanh tra phải báo cáo để người ra quyết định thanh tra chuyển ngay hồ sơ vụ việc, tài liệu có liên quan cùng với văn bản kiến nghị khởi tố cho cơ quan điều tra có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật và thông báo cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp biết.  **Đoàn thanh tra tiếp tục thanh tra theo kế hoạch tiến hành thanh tra đã phê duyệt; người ra quyết định thanh tra ban hành kết luận thanh tra theo quy định của pháp luật.**  Cơ quan điều tra có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thanh tra về kết quả giải quyết vụ việc; trường hợp hết thời hạn xem xét giải quyết kiến nghị khởi tố theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự mà cơ quan thanh tra đã kiến nghị khởi tố không nhận được thông báo bằng văn bản hoặc không đồng ý với kết quả giải quyết thì trao đổi với cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp để làm rõ lý do, nếu vẫn không đồng ý thì kiến nghị với cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên xem xét, giải quyết và báo cáo cơ quan thanh tra cấp trên.  4. Đối tượng thanh tra, cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi bị nghiêm cấm hoặc vi phạm nghĩa vụ của đối tượng thanh tra quy định tại Luật này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.  **\*Ghi chú:** *Nội dung này đã được quy định tại Thông tư số 06/2021/TT-TTCP* |
| 12.7 | Điều 70 và Điều 71 | Bổ sung quy định các trường hợp tạm dừng cuộc thanh tra và đình chỉ cuộc thanh tra.  ***- Điều 70 (Tạm dừng cuộc thanh tra):***  1. Người ra quyết định thanh tra quyết định tạm dừng cuộc thanh tra trong trường hợp sau đây:  a) Có sự kiện bất khả kháng ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện cuộc thanh tra;  b) Đối tượng thanh tra đề nghị tạm dừng cuộc thanh tra mà có lý do chính đáng và được người ra quyết định thanh tra đồng ý; trong trường hợp này, thời hạn tạm dừng cuộc thanh tra không quá 30 ngày.  2. Khi tạm dừng cuộc thanh tra, người ra quyết định thanh tra có trách nhiệm xem xét hủy bỏ biện pháp đã áp dụng hoặc áp dụng biện pháp theo thẩm quyền nhưng phải bảo đảm không làm cản trở đến hoạt động bình thường của đối tượng thanh tra.  3. Người ra quyết định thanh tra quyết định tiếp tục cuộc thanh tra khi lý do của việc tạm dừng cuộc thanh tra không còn hoặc hết thời hạn tạm dừng quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.  4. Quyết định tạm dừng cuộc thanh tra, quyết định tiếp tục cuộc thanh tra phải được gửi đến đối tượng thanh tra.  ***- Điều 71 (Đình chỉ cuộc thanh tra):***  1. Người ra quyết định thanh tra ra quyết định đình chỉ cuộc thanh tra trong các trường hợp sau đây:  a) Đối tượng thanh tra là cá nhân đã chết; cơ quan, tổ chức đã bị giải thể hoặc phá sản mà không có cơ quan, tổ chức, cá nhân nào kế thừa quyền và nghĩa vụ;  b) Nội dung thanh tra đã được cơ quan thanh tra cấp trên kết luận;  c) Cơ quan điều tra đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự về cùng nội dung thanh tra;  d) Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp có văn bản yêu cầu đình chỉ cuộc thanh tra;  đ) Thuộc trường hợp chồng chéo, trùng lặp đã được xử lý theo quy định tại Điều 55 của Luật này.  2. Khi đình chỉ cuộc thanh tra, người tiến hành thanh tra có trách nhiệm hủy bỏ các biện pháp đã áp dụng theo thẩm quyền trong quá trình thanh tra.  3. Quyết định đình chỉ cuộc thanh tra phải được gửi đến đối tượng thanh tra. |
| 12.8 | Điều 73 (Báo cáo kết quả thanh tra) | Không quy định chung thời gian xây dựng báo cáo kết quả thanh tra như Luật cũ, mà quy định cụ thể đối với cơ quan thanh tra từng cấp. Đồng thời, kéo dài hơn so với Luật cũ.  *- Đối với cuộc thanh tra do Thanh tra tỉnh tiến hành, thời gian xây dựng báo cáo kết quả thanh tra không quá 20 ngày, trường hợp phức tạp thì có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày;*  *- Đối với cuộc thanh tra do Thanh tra sở, Thanh tra huyện tiến hành, thời gian xây dựng báo cáo kết quả thanh tra không quá 15 ngày, trường hợp phức tạp thì có thể kéo dài nhưng không quá 20 ngày.* |
| 12.9 | Từ Điều 75 đến Điều 78 (Kết luận thanh tra) | Quy định cụ thể thời hạn, trách nhiệm thực hiện ở từng bước trong quy trình xây dựng dự thảo KLTT, ban hành KLTT. Đồng thời, đã tháo gỡ được những bất cập về thời hạn ban hành Kết luận thanh tra ở Luật cũ *(trước đây chỉ quy định chung chậm nhất 15 ngày kể từ ngày nhận báo cáo kết quả thanh tra phải ban hành KLTT)*, theo hướng kéo dài hơn, đảm bảo tính khả thi trong việc tổ chức thực hiện trên thực tế. Cụ thể:  - Bổ sung quy định về thời hạn giao nhiệm vụ xây dựng dự thảo KLTT: ***Trong thời hạn 05 ngày làm việc*** *kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thanh tra, người ra quyết định thanh tra giao Trưởng đoàn thanh tra xây dựng dự thảo kết luận thanh tra.*  - Bổ sung quy định về trách nhiệm của thành viên Đoàn thanh tra trong việc xây dựng dự thảo KLTT: *Dự thảo kết luận thanh tra được gửi đến thành viên khác của Đoàn thanh tra để tham gia ý kiến trước khi trình người ra quyết định thanh tra.*  - Bổ sung quy định về thời gian xây dựng dự thảo KLTT: Thời gian xây dựng dự thảo KLTT được tính từ ngày người ra quyết định thanh tra giao xây dựng dự thảo kết luận thanh tra và được quy định như sau:  *+ Đối với cuộc thanh tra do Thanh tra tỉnh tiến hành, thời gian xây dựng dự thảo kết luận thanh tra không quá 20 ngày, trường hợp phức tạp thì có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày;*  *+ Đối với cuộc thanh tra do Thanh tra sở, Thanh tra huyện tiến hành, thời gian xây dựng dự thảo kết luận thanh tra không quá 15 ngày, trường hợp phức tạp thì có thể kéo dài nhưng không quá 20 ngày.*  - Quy định bắt buộc việc thực hiện thẩm định dự thảo KLTT đối với KLTT hành chính của Thanh tra tỉnh: *Dự thảo kết luận thanh tra* ***hành chính******của Thanh tra tỉnh phải được thẩm định trước khi ký ban hành****. Việc thẩm định dự thảo kết luận thanh tra* ***chuyên ngành*** *của Thanh tra tỉnh,* ***dự thảo kết luận thanh tra của các cơ quan thanh tra khác được thực hiện khi cần thiết (nội dung này đã được quy định tại Thông tư số 06/2021/TT-TTCP).***  - Bổ sung quy định về việc ban hành nhiều KLTT đối với 01 cuộc thanh tra: *Trong quá trình tiến hành thanh tra, người ra quyết định thanh tra có thể ban hành kết luận thanh tra đối với các nội dung đã được kiểm tra, xác minh, đủ cơ sở để kết luận và tiếp tục tiến hành thanh tra các nội dung khác trong quyết định thanh tra.* ***Một cuộc thanh tra có thể ban hành nhiều kết luận thanh tra nhằm phục vụ kịp thời yêu cầu quản lý nhà nước (nội dung này đã được quy định tại Thông tư số 06/2021/TT-TTCP)***  - Quy định mới về thời hạn ban hành Kết luận thanh tra: 15 ngày kể từ ngày nhận được dự thảo KLTT *(trước đây kể từ ngày nhận Báo cáo kết quả thanh tra)*.  - Quy định cụ thể việc xử lý KLTT trong các trường hợp phức tạp:  *+ Đối với dự thảo KLTT* ***về vụ việc liên quan đến an ninh, quốc phòng, vụ việc quan trọng, phức tạp thuộc diện chỉ đạo, theo dõi của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cấp tỉnh hoặc có yêu cầu của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp*** *thì người ra quyết định thanh tra phải có văn bản báo cáo Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp.*  *+ Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản báo cáo, Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp có ý kiến bằng văn bản về nội dung được báo cáo; trường hợp Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước không trả lời hoặc không có ý kiến khác với dự thảo kết luận thanh tra thì người ra quyết định thanh tra ban hành ngay kết luận thanh tra. Trường hợp Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp có ý kiến bằng văn bản yêu cầu bổ sung, làm rõ về nội dung dự thảo kết luận thanh tra thì chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đó, người ra quyết định thanh tra phải hoàn thiện, ban hành kết luận thanh tra.* |
| 12.10 | Điều 79 (Công khai KLTT) | - Quy định mới về hình thức công khai bắt buộc:  + Theo Luật Thanh tra 2010, hình thức **công bố tại cuộc họp** là bắt buộc (ngoài ra chọn 01 trong các hình thức công khai còn lại).  + Theo Luật Thanh tra 2022, hình thức **đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan thanh tra hoặc cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp** là hình thức bắt buộc *(ngoài ra chọn 01 trong các hình thức công khai còn lại).*  - Quy định cụ thể về nội dung KLTT cần phải công khai: *KLTT phải được* ***công khai toàn văn****, trừ nội dung thuộc bí mật nhà nước hoặc bí mật khác theo quy định của luật.* |
| 12.11 | Mục 7 (từ Điều 97 đến Điều 101) | Luật hóa quy định về giám sát hoạt động của Đoàn thanh tra (trước đây được quy định trong Thông tư của Tổng Thanh tra Chính phủ, nay quy định cụ thể thành 01 Mục trong Luật). |
| 12.12 | Chương XI (Từ Điều 107 đến Điều 111) | Bổ sung quy định về phối hợp trong hoạt động thanh tra, kiểm toán nhà nước, điều tra.  Cụ thể, cơ quan thực hiện chức năng thanh tra, cơ quan kiểm toán nhà nước và cơ quan điều tra có trách nhiệm phối hợp để nâng cao hiệu quả hoạt động thanh tra, kiểm toán nhà nước, điều tra, góp phần phòng, chống tội phạm và các vi phạm pháp luật khác trong quản lý nhà nước.  Điểm mới này giúp xử lý các trường hợp bị chồng chéo, trùng lặp từ các khâu, các giai đoạn có mối quan hệ với nhau giữa hoạt động thanh tra, hoạt động kiểm toán nhà nước và hoạt động điều tra. |
| 13 | Khoản 4 Điều 78 (sửa đổi, bổ sung Kết luận thanh tra) | Luật Thanh tra năm 2010 không quy định.  Luật Thanh tra năm 2022 quy định tại Khoản 4 Điều 78: *Trước khi công khai kết luận thanh tra, người ra quyết định thanh tra có thể sửa đổi, bổ sung kết luận thanh tra đã ban hành để bảo đảm tính chính xác, khách quan, khả thi.* |
| 14 | Điều 6 (Trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước trong công tác thanh tra, kiểm tra) | Bổ sung quy định tại Khoản 2 Điều 6: *Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước phải thường xuyên tổ chức kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao của cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý; việc chấp hành chính sách, pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc ngành, lĩnh vực do mình phụ trách để bảo đảm hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước.*  *Trong quá trình kiểm tra, nếu phát hiện vi phạm thì áp dụng hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng biện pháp theo quy định của pháp luật để xử lý kịp thời hành vi vi phạm; trường hợp cần thiết thì yêu cầu hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền tiến hành thanh tra; nếu có dấu hiệu tội phạm thì kiến nghị khởi tố và chuyển hồ sơ vụ việc, tài liệu có liên quan đến cơ quan điều tra để xem xét, quyết định việc khởi tố vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.* |

1. Gồm: Thanh tra Sở Giao thông vận tải; Thanh tra Sở Giáo dục và Đào tạo; Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thanh tra Sở Tài chính; Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường; Thanh tra Sở Xây dựng; Thanh tra Sở Y tế. [↑](#footnote-ref-1)